

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 35/2026/DS - ST

Ngày: 15 - 4 - 2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

2. Ông Đặng Văn Miện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 426/2025/TLST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST - DS ngày 24 tháng 3 năm 2024 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 31/3A, khu phố 3, phường T, Thành phố H. Địa chỉ liên hệ: Số 414 Hoàng Diệu, phường B, tỉnh Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Lê Quang T, sinh năm: 1977; anh Văn Công Minh, sinh năm: 1994; địa chỉ: Số 166 Phan Chu Trinh, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền số 027625/2025/CCGD ngày 22/10/2025).

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Khánh T**, sinh năm: 1984; chị **Trần Thị Kim N**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường X, tỉnh L.

*Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1985 (theo văn bản ủy quyền số 000208/2026/CCGD ngày 21/01/2026).*

*(Tại phiên tòa anh Lê Quang T có mặt, các đương sự khác vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S, bản tự khai và lời T bày của anh Lê Quang T là người đại diện theo ủy quyền thì: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 29 tháng 05 năm 2023, anh Nguyễn Văn S đã cho vợ chồng anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N vay số tiền là: 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 04 tháng, được tính từ ngày 29/05/2023 đến ngày 30/9/2023. Lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng là 01% tháng. Việc vay mượn tiền trên được hai bên lập thành Giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của các bên cùng dấu điểm chỉ của vợ chồng anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N. Mặc dù trong Giấy vay tiền không ghi ngày vay nhưng anh Nguyễn Văn S xác định đúng đó là ngày 29/05/2023.*

*Quá T cho vay đến thời hạn trả nợ, nhưng vợ chồng anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N không trả cho anh Nguyễn Văn S bất kỳ khoản tiền nào mặc dù anh Nguyễn Văn S đã rất nhiều lần yêu cầu. Quá T anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N phải trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và yêu cầu số tiền lãi tạm tính từ ngày 29/05/2023 đến 29/11/2025 là: 1.300.000.000 đồng x 10% năm x 02 năm 06 tháng = 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền yêu cầu cả gốc và lãi tạm tính là 1.625.000.000đ (Một tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).*

*Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp chứng cứ đã trả khoản tiền nợ 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).*

*Nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện xác định hiện anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N còn nợ gốc số tiền là 1.210.000.000đ (Một tỷ hai trăm mười triệu đồng) và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi 10%/năm.*

*\*Theo bản tự khai ngày và T bày của bị đơn ông Nguyễn Khánh T, bà Trần Thị Kim N thì: Anh chị thừa nhận quá T vào năm 2023 có vay của anh Nguyễn Văn S số tiền gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), lãi suất cho vay là 3.000.000đ/ngày, sau đó anh S đã tính cả gốc và lãi và ghi thành số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) theo như chứng cứ do nguyên đơn đã cung cấp.*

*Thời gian sau đó anh chị đã trả được số tiền 390.000.000đ (Ba trăm chín mươi triệu đồng), trong đó có 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) giao tiền mặt*

cho anh S giao tại Đắk Lắk, còn số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) đã chuyển khoản cho anh S cụ thể ngày 11/7/2023 đã chuyển trả 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) và ngày 01/9/2023 đã chuyển trả số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) từ số tài khoản của anh Nguyễn Khánh T số 0561003780707 mở tại N hàng Vietcombank qua số tài số 63610000273268 mở tại N hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

Đối với số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) do tin tưởng nên khi giao cho anh S nhưng không viết giấy tờ giao nhận tiền, nên có đề cung cấp cho Tòa án. Nay anh chỉ chỉ đồng ý trả nợ gốc số tiền 910.000.000đ (*Chín trăm mười triệu đồng*), do hoàn cảnh đang khó khăn nên xin không trả tiền lãi.

Quá T Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

*Tại phiên tòa:*

Anh Lê Quang T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn T bày: Nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn S xin thay đổi một phần yêu cầu khởi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu; xác định hiện anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N còn nợ gốc số tiền là 1.210.000.000đ (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*) và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm và đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với số tiền gốc là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) do bị đơn đã trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá T thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền gốc, buộc ông T và bà N phải trả cho ông S số tiền gốc 1.210.000.000 đồng. Đình chỉ với yêu cầu trả tiền vay gốc với số tiền 90.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Chấp nhận mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 01/10/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; Không chấp nhận mức lãi suất 10% kể từ ngày 29/5/2023 cho đến ngày 30/9/2023.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N có xác lập giao dịch dân sự vay mượn tiền, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại

khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: **Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh T, chị N, nhưng bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.**

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S thì thấy:

Căn cứ vào chứng cứ giấy vay tiền ký giữa anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N (giấy vay không ghi rõ ngày tháng năm cho vay). Nội dung trong giấy vay thể hiện anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N ký nhận vay của ông Nguyễn Văn S số tiền 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) và hẹn ngày 30/9/2023 trả đủ tiền (BL 41).

Sau khi thụ lý giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ do bị đơn đã cung cấp thì phía nguyên đơn anh S đã xác định quá T vay anh T, chị N mới trả được khoản nợ gốc là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) bằng hình thức chuyển khoản. Nay nguyên đơn anh S yêu cầu anh T, chị N có trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại là 1.210.000.000đ (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo mức lãi 10%/năm kể từ ngày 29/5/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo T bày của bị đơn anh T, chị N thì quá T anh chị chỉ vay của anh Nguyễn Văn S số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) do anh S chuyển khoản. Nhưng khi đó anh S yêu cầu vợ chồng anh chị ký vay số tiền 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) là ghi thêm tiền lãi vào. Sau khi vay anh chị đã trả được số tiền 390.000.000đ (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, bị đơn anh T, chị N chỉ cung cấp được chứng cứ chứng minh cho T bày của mình thể hiện bằng 02 lần chuyển khoản cho anh S tổng số tiền đã chuyển trả là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Còn 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) anh T, chị N cho rằng đã trả bằng tiền mặt cho anh S, nhưng khi trả không viết giấy giao nhận tiền, nên không có chứng cứ để cung cấp.

[3.2] Xét lời T bày của các bên đương sự cùng các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, nên có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N đã xác lập giao dịch vay mượn tiền với số tiền ký nhận cho vay là 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu*). Việc phía bị đơn cho rằng trong giấy vay ghi khoản nợ nêu trên thì trong đó có 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) là tiền lãi. Nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở xem xét.

[3.3] Tại phiên tòa anh Lê Quang T là người đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn xác nhận quá T anh T, chị N đã chuyển khoản trả cho anh S được số tiền gốc là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) và nguyên đơn anh S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với số tiền nợ gốc là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*), nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn so với yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với số tiền nợ gốc 90.000.000đ này.

[3.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.210.000.000đ (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*), do yêu cầu phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên có cơ sở được chấp nhận.

[3.5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi thì thấy: Theo giấy vay tiền ký giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay. Quá T nguyên đơn cho rằng lãi suất cho vay là 1%/tháng. Còn bị đơn cho rằng lãi suất cho vay 3.000.000đ/ngày. Vì vậy, xác được hai bên có tranh chấp về tiền lãi. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi.

Nguyên đơn anh S yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền nợ gốc còn thiếu kể từ thời điểm cho vay từ ngày 29/5/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy vay không thể hiện rõ thời điểm hai bên viết giấy nợ là thời điểm nào và hai bên xác định thời điểm trả nợ là ngày 30/9/2023. Nên thời hạn tính tiền lãi được tính kể từ ngày 30/9/2023 đến ngày xét xử và tính được là 2 năm 6 tháng 16 ngày với số tiền lãi tính được là: **307.874.000đ** (*Ba trăm linh bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N phải có trách nhiệm trả số tiền **đó nợ gốc là 1.210.000.000đ** (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 30/9/2023 đến ngày xét xử là **307.874.000đ** (*Ba trăm linh bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi tính được số tiền là **1.517.874.000đ** (*Một tỷ năm trăm mười bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thời hạn tính lãi từ ngày 29/5/2023 đến 29/9/2023 và tính được số tiền không chấp nhận là 40.332.000đ (*Bốn mươi triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng*).

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp; bị đơn anh

Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S đối với bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N phải liên đới có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn S tổng cộng số tiền là **1.517.874.000đ (trong đó nợ gốc là 1.210.000.000đ và tiền lãi là 307.874.000đ)** theo nội dung giấy vay hai bên đã xác lập.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi là 40.332.000đ (tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 29/9/2023).

3/Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với khoản nợ gốc là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) mà bị đơn đã thanh toán.

4/Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S phải chịu 2.016.600đ (*Hai triệu không trăm mười sáu ngàn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (được trừ vào số tiền 30.750.000đ (*Ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008153 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng). Hoàn trả lại cho anh S số tiền tạm ứng án phí còn lại là 28.733.400đ (*Hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm đồng*).

Bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Trần Thị Kim N phải chịu **57.536.220đ** (*Năm mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

5/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2026). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lan**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Lan**



